

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

**BÁO CÁO TÓM TẮT
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ
PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP
CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ NGƯỜI DÂN TỘC
THiểu SỐ KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM
THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

Mã số đề tài: B2016-TNA-16

Xác nhận của tổ chức chủ trì

Chủ nhiệm đề tài

TS. Nguyễn Thị Ngọc

THÁI NGUYÊN - 2018

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu	1
3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu	1
4. Giả thuyết khoa học	2
5. Nhiệm vụ nghiên cứu.....	2
6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu.....	2
7. Phương pháp nghiên cứu	2
8. Cấu trúc của đề tài	2
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ NGƯỜI TÀY, NÙNG THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP	3
1.1. Tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài	3
1.1.1. Nghiên cứu nước ngoài.....	3
1.1.2. Nghiên cứu ở Việt Nam.....	3
1.2. Một số khái niệm cơ bản của đề tài	3
1.2.1. Giao tiếp.....	3
1.2.2. Kỹ năng, kỹ năng giao tiếp	3
1.2.3. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	3
1.2.4. Phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.....	3
1.3. Một số vấn đề cơ bản về phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng thông qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.....	4
1.3.1. Đặc điểm tâm lý - giao tiếp của học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng.....	4
1.3.2. Những vấn đề cơ bản về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở cấp THCS.....	4
1.3.3. Ý nghĩa của hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng.....	4
1.3.4. Những yêu cầu đối với việc tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở các trường THCS có đa số học sinh là người dân tộc Tày, Nùng để phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh	4
1.3.5. Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng.....	4

1.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng.....	5
1.4.1. Về phía nhà trường	5
1.4.2. Về phía học sinh và phụ huynh học sinh	5
1.4.3. Sự phối hợp của các lực lượng xã hội trong tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh THCS người Tày, Nùng	5
Tiểu kết chương 1	5
Chương 2: THỰC TRẠNG VỀ KỸ NĂNG GIAO TIẾP VÀ VIỆC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP NHẪM PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP CHO HỌC SINH THCS NGƯỜI DÂN TỘC TÀY, NÙNG KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM.....	6
2.1. Một số vấn đề chung về khảo sát thực trạng.....	6
2.1.1. Mục đích	6
2.1.2. Đối tượng khảo sát.....	6
2.1.3. Phương pháp khảo sát.....	6
2.1.4. Phương pháp xử lý số liệu	6
2.2. Kết quả khảo sát.....	6
2.2.1. Nhận thức của giáo viên và học sinh người dân tộc Tày, Nùng về tầm quan trọng của hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp.....	6
2.2.2. Thực trạng về kỹ năng giao tiếp của học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng.....	6
2.2.3. Thực trạng tổ chức các HĐTNHN tại các trường THCS trên địa bàn nghiên cứu nhằm phát triển KNGT cho HS người Tày, Nùng.....	7
2.2.4. Thực trạng kỹ năng giao tiếp của học sinh THCS.....	9
2.2.5. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp và kỹ năng giao tiếp thông qua HĐTNHN cho HS THCS	9
2.3. Nguyên nhân thực trạng.....	10
Tiểu kết chương 2	11
Chương 3: CÁC NHÓM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP NHẪM PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP CHO HỌC SINH THCS NGƯỜI DÂN TỘC TÀY, NÙNG KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM.....	11

3.1. Nguyên tắc thiết kế các nhóm hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh người dân tộc Tày, Nùng ở các trường THCS khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam.....	11
3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích	11
3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính đối tượng.....	11
3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi, hiệu quả.....	11
3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo giáo dục sát với đời sống, điều kiện thực tiễn của học sinh	11
3.2. Quy trình thiết kế, nội dung và hình thức của các nhóm hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam.....	11
3.2.1. Quy trình thiết kế hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng	11
3.2.2. Nội dung và hình thức hoạt động trải nghiệm có ưu thế phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng.....	12
3.2.3. Khảo nghiệm sự phù hợp và tính khả thi của các nhóm hoạt động được thiết kế	12
3.2.4. Thực nghiệm sư phạm	12
Tiểu kết chương 3	14
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	14

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Giao tiếp là một nhu cầu cơ bản của con người, có vai trò quan trọng trong các hoạt động của con người. Sự phát triển của xã hội hiện đại đòi hỏi con người phải có những kỹ năng giao tiếp cần thiết. Những kỹ năng này có thể được hình thành một cách tự giác hoặc tự phát trong cuộc sống, trong hoạt động của mỗi người, tuy nhiên, con người chỉ được trang bị một cách có hiệu quả những kỹ năng trên nếu được sống trong môi trường giáo dục, với những tác động giáo dục phù hợp và mang tính khoa học.

Đối với lứa tuổi học sinh Trung học cơ sở (THCS), giao tiếp là một hoạt động chủ đạo, có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự hình thành và phát triển nhân cách của các em trong độ tuổi này. Việc hình thành và phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh trong đó có học sinh THCS đang là vấn đề cần được quan tâm trong các nhà trường hiện nay, bởi lẽ, nó góp phần quan trọng vào việc thực hiện mục tiêu giáo dục phổ thông là hình thành nhân cách toàn diện cho học sinh.

Thực tế cho thấy, học sinh THCS người dân tộc thiểu số (DTTS) nói chung, học sinh THCS người Tày, Nùng ở khu vực miền núi phía Bắc nói riêng, do hạn chế về điều kiện sống, môi trường giao tiếp; do ảnh hưởng của một số nét tâm lý như tự ti, thiếu mạnh dạn..., mà trong giao tiếp các em có những hạn chế nhất định như: kỹ năng diễn đạt, kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp, kỹ năng làm chủ quá trình giao tiếp... Trong khi đó, việc hình thành và phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, kết quả giáo dục còn hạn chế, việc tổ chức các hoạt động giáo dục chưa thực sự có hiệu quả ...

Do trình độ nhận thức và đặc điểm dân cư, nhiệm vụ giáo dục học sinh được dựa chủ yếu vào giáo dục nhà trường, do vậy để phát triển toàn diện năng lực của nhóm học sinh này cần bắt đầu từ những tác động giáo dục mang tính chính thống của nhà trường. Phát triển kỹ năng giao tiếp cho nhóm học sinh người dân tộc Tày, Nùng khu vực miền núi phía Bắc cũng không nằm ngoài nhận định trên. Việc gắn kết nội dung phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh người Tày, Nùng trong những hoạt động trải nghiệm do nhà trường tổ chức vừa phù hợp với yêu cầu giáo dục miền núi vừa thể hiện cách tiếp cận mới trong giáo dục hứa hẹn đem lại những thay đổi thực sự trong giao tiếp của nhóm học sinh DTTS này. Tuy nhiên hiện nay, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách sâu sắc và toàn diện về kỹ năng giao tiếp và biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam, đặc biệt là vấn đề phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh dân tộc thiểu số thông qua việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho các em, góp phần phát triển giáo dục phổ thông cũng như chiến lược phát triển con người ở miền núi và cả nước. Có thể nói, đây là mảng đề tài cần được nghiên cứu đầy đủ và có hệ thống. Xuất phát từ những lí do trên chúng tôi chọn đề tài nghiên cứu: ***“Phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh Trung học cơ sở người dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam thông qua hoạt động trải nghiệm”***.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và thực trạng phát triển kỹ năng giao tiếp của HS THCS tại các tỉnh miền núi phía Bắc thông qua các HĐTN, HN, đề tài hướng tới việc xây dựng quy trình và thiết kế một số hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho nhóm học sinh THCS người DTTS trong khu vực.

3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu: Quy trình thiết kế và các hoạt động trải nghiệm phát triển KNGT cho HS THCS người Tày, Nùng thông qua HĐTNHN.

3.2. Khách thể nghiên cứu

- Khách thể nghiên cứu: Quá trình phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS THCS trên địa bàn một số tỉnh miền núi phía Bắc thông qua hoạt động trải nghiệm.

- Khách thể Điều tra: gồm 300 học sinh và 150 giáo viên trên địa bàn nghiên cứu

4. Giả thuyết khoa học

Giao tiếp là một trong những kỹ năng sống đặc biệt quan trọng đối với HS do vậy việc phát triển KNGT là một nhiệm vụ giáo dục mà nhà trường luôn coi trọng. Thực tiễn cho thấy kỹ năng giao tiếp của HS THCS người Tày, Nùng trên địa bàn các tỉnh miền núi phía Bắc còn nhiều hạn chế chưa đạt được hiệu quả mong muốn. Nếu xây dựng được các quy trình và thiết kế được các hoạt động hướng vào việc phát triển KNGT cho HS THCS một cách phù hợp sẽ góp phần phát triển kỹ năng giao tiếp của các em nói riêng và phát triển toàn diện năng lực của học sinh nói chung.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Nghiên cứu cơ sở lý luận về phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua các HĐTNHN cho HS THCS.

5.2. Khảo sát thực trạng phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS THCS người Tày, Nùng tại một số tỉnh khu vực miền núi phía Bắc thông qua hoạt động trải nghiệm

5.3. Đề xuất quy trình và thiết kế các hoạt động nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua HĐTNHN cho HS THCS Tày, Nùng

6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

6.1. Giới hạn về nội dung nghiên cứu

Do sự thay đổi tên gọi của chương trình hoạt động trải nghiệm sáng tạo thành hoạt động trải nghiệm (đối với bậc THCS gọi là hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp) nên tác giả tiếp cận nghiên cứu theo tư tưởng mới đảm bảo sự cập nhật của chương trình giáo dục phổ thông mới.

Trong giới hạn nội dung nghiên cứu, tác giả chỉ tập trung xây dựng quy trình và thiết kế một số hoạt động trải nghiệm mẫu phù hợp với việc phát triển các kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng.

6.2. Giới hạn về địa bàn nghiên cứu. Chúng tôi tiến hành khảo sát tại các trường THCS có số lượng lớn học sinh người Tày, Nùng bao gồm:

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận

7.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

7.3. Phương pháp xử lý số liệu bằng thu được từ thực trạng và kết quả thực nghiệm bằng phần mềm SPSS 22.0

8. Cấu trúc của đề tài

Đề tài gồm có 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh Trung học cơ sở người Tày, Nùng thông qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Chương 2: Thực trạng về kỹ năng giao tiếp và việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam.

Chương 3: Các nhóm hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ NGƯỜI TÀY, NÙNG THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP

1.1. Tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài

1.1.1. Nghiên cứu nước ngoài

1.1.1.1. Những nghiên cứu về giao tiếp và kỹ năng giao tiếp

1.1.1.2. Những nghiên cứu về giáo dục thông qua trải nghiệm của học sinh

1.1.2. Nghiên cứu ở Việt Nam

1.1.2.1. Những nghiên cứu về giao tiếp, kỹ năng giao tiếp

1.1.2.2. Nghiên cứu về giáo dục thông qua trải nghiệm của học sinh

1.2. Một số khái niệm cơ bản của đề tài

1.2.1. Giao tiếp

Giao tiếp là một phương thức tiếp xúc giữa con người với nhau thông qua ngôn ngữ. Trong hoạt động sống của con người giao tiếp quyết định rất lớn đến khả năng thành công của con người.

1.2.2. Kỹ năng, kỹ năng giao tiếp

Khái niệm kỹ năng được đề cập trong nhiều tài liệu khác nhau, có thể kể đến một số khái niệm như sau: Kỹ năng là hệ thống các thao tác giúp có người có thể làm việc thành thực trong các lĩnh vực hoạt động nhất định. Kỹ năng là tổ hợp các thuộc tính đem lại hiệu quả hoạt động cao.

Kỹ năng giao tiếp là sự vận dụng tri thức kinh nghiệm của cá nhân vào trong những hoàn cảnh giao tiếp cụ thể nhằm thực hiện có hiệu quả các mục đích giao tiếp đề ra.

1.2.3. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp là một khái niệm mới được xác định trong chương trình giáo dục phổ thông năm 2017. Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp là sự phát triển của hoạt động trải nghiệm ở THCS với ý nghĩa định hướng nghề nghiệp cho học sinh từ bậc THCS. Ở bậc THCS, chương trình tập trung nhiều hơn vào các hoạt động xã hội, hoạt động phục vụ cộng đồng và bắt đầu đẩy mạnh các hoạt động hướng nghiệp. Tuy nhiên hoạt động phát triển cá nhân, hoạt động lao động vẫn được tiếp tục triển khai để hình thành và phát triển các phẩm chất và năng lực của học sinh.

1.2.4. Phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Hoạt động trải nghiệm cùng với các môn khoa học khác được coi là một phương pháp học của học sinh, làm tăng giá trị bản thân cho người học.

Hoạt động trải nghiệm giúp học sinh trong quá trình trải nghiệm thể hiện được giá trị bản thân, thiết lập được mối quan hệ giữa cá nhân với tập thể, với các cá nhân khác, với môi trường học và môi trường sống.

Môi trường học tập tương tác trong đó có sự gắn kết nhận thức với cảm xúc xã hội và hành vi của người học trong những tình huống học tập sống động.

Trong quá trình học trải nghiệm và hoạt động, một lượng lớn thông tin có thể truyền đạt qua lại với nhau, hoạt động trải nghiệm sáng tạo giúp học sinh tăng cường sự hiểu biết và tiếp thu các giá trị truyền thống của dân tộc và những giá trị tốt đẹp của nhân loại.

Do đó có thể hiểu phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng thông qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là việc tạo ra các điều kiện (như môi

trường, nội dung, cách thức và phương tiện giao tiếp) làm chuyển đổi hệ thống các kỹ năng giao tiếp của học sinh theo hướng ngày càng thành thục, nhuần nhuyễn, phong phú thêm và phát huy hiệu quả cao trong quá trình giao tiếp của học sinh với các đối tượng trong quan hệ giao tiếp.

Để khai thác được các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường trở thành phương tiện để phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh, nhà giáo dục cần đo được các mức độ của kỹ năng giao tiếp hiện có. Trên cơ sở đó, có thể lựa chọn hoặc thiết kế các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm sao cho phát huy tốt nhất những kỹ năng giao tiếp nền tảng đồng thời đưa các kỹ năng đó lên mức độ cao hơn.

1.3. Một số vấn đề cơ bản về phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng thông qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

1.3.1. Đặc điểm tâm lý - giao tiếp của học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng

1.3.2. Những vấn đề cơ bản về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở cấp THCS

1.3.2.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực đối với học sinh THCS thông qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (theo dự thảo chương trình phổ thông 2017)

1.3.2.2. Các nhóm hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức trong trường THCS

1.3.3. Ý nghĩa của hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng

- i) Làm nảy sinh nhu cầu giao tiếp ở học sinh THCS người Tày, Nùng
- ii) Đa dạng hóa nội dung giao tiếp
- iii) Mở rộng đối tượng và phạm vi giao tiếp
- iv) Rèn luyện năng lực sử dụng ngôn ngữ giao tiếp

1.3.4. Những yêu cầu đối với việc tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở các trường THCS có đa số học sinh là người dân tộc Tày, Nùng để phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh

- i) Hệ thống hóa được các kỹ năng giao tiếp cần phát triển ở học sinh THCS người Tày, Nùng
- ii) Mức độ kỹ năng giao tiếp của học sinh THCS người Tày, Nùng
- iii) Những yêu cầu trong việc tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh THCS người Tày, Nùng

1.3.5. Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng

1.3.5.1. Nội dung hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh

Nội dung các nhóm hoạt động trải nghiệm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng dựa vào hệ thống các hoạt động theo chương trình trải nghiệm, hướng nghiệp cụ thể như sau:

Nhóm 1: Hoạt động phát triển cá nhân

Nhóm 2: Hoạt động lao động

Nhóm 3: Hoạt động xã hội và phục vụ cộng đồng

Nhóm 4: Hoạt động giáo dục hướng nghiệp

1.3.5.2. Hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp

Trong quá trình thiết kế, tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm, GV và HS đều có cơ hội thể hiện sự sáng tạo, chủ động, làm tăng thêm tính hấp dẫn, độc đáo của các hình thức tổ chức hoạt động: *Tổ chức các trò chơi; Tổ chức các cuộc thi; Tổ chức các câu lạc bộ; Sinh hoạt tập thể; Lao động công ích; Tổ chức tham quan dã ngoại; Diễn đàn; Giao lưu; Tổ chức sự kiện; Hoạt động chiến dịch; Sân khấu tương tác; Hoạt động tình nguyện, nhân đạo.*

Mỗi hình thức tổ chức đều có những ưu và nhược điểm nhất định nhưng đều hướng tới mục đích giáo dục không chỉ về kiến thức mà còn cả về kỹ năng nhằm phát triển năng lực ở người học. Rèn luyện tính tự tin, tính sáng tạo và tư duy khoa học.

1.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng

1.4.1. Về phía nhà trường

i) Nhận thức cán bộ quản lý, GV về ý nghĩa của hoạt động phát triển KNGT cho HS thông qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

ii) Năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm của đội ngũ giáo viên ở các trường THCS

iii) Điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường phục vụ cho tổ chức hoạt động trải nghiệm

1.4.2. Về phía học sinh và phụ huynh học sinh

i) Nhận thức và hứng thú của học sinh đối với việc phát triển KNGT thông qua hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

ii) Sự quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi của phụ huynh để con em được tham gia các hoạt động trải nghiệm ở trường nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp nói chung và giáo dục toàn diện học sinh nói chung.

1.4.3. Sự phối hợp của các lực lượng xã hội trong tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh THCS người Tày, Nùng

Sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa các lực lượng tạo ra môi trường giúp học sinh trải nghiệm những điều mới mẻ, mở rộng phạm vi và đối tượng giao tiếp, từ đó làm nảy sinh nhu cầu và các mối quan hệ giao tiếp mới một cách thường xuyên, liên tục. Chính trong môi trường này là điều kiện kiểm nghiệm sự phát triển các kỹ năng giao tiếp của học sinh.

Tiểu kết chương 1

Giao tiếp và kỹ năng giao tiếp có vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống của con người. Đối với HS THCS người Tày, Nùng, giao tiếp được xem là phương tiện quan trọng nhất để hình thành và phát triển nhân cách. Có nhiều con đường để phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS THCS song phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ qua thông qua HĐTNHN có rất nhiều ưu thế. Tuy nhiên để phát huy được những ưu thế này người giáo viên phải xác định rõ mục tiêu, nội dung phát triển kỹ năng giao tiếp qua HĐTNHN, đồng thời cần nắm vững chuẩn KNGT và vai trò của mình việc tổ chức và thiết kế các HĐTNHN.

Chương 2
THỰC TRẠNG VỀ KỸ NĂNG GIAO TIẾP VÀ VIỆC TỔ CHỨC
CÁC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP NHẪM PHÁT TRIỂN
KỸ NĂNG GIAO TIẾP CHO HỌC SINH THCS NGƯỜI DÂN TỘC TÀY, NÙNG
KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM

2.1. Một số vấn đề chung về khảo sát thực trạng

2.1.1. Mục đích

Đánh giá thực trạng kỹ năng giao tiếp và việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng khu vực miền núi phía Bắc ở các khía cạnh như: nhận thức của giáo viên về tầm quan trọng của các hoạt động trải nghiệm đối với việc phát triển kỹ năng giao tiếp; thực trạng kỹ năng giao tiếp của học sinh; thực trạng việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh dân tộc Tày, Nùng ở các trường THCS trên địa bàn nghiên cứu và thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng thông qua tổ chức hoạt động trải nghiệm.

2.1.2. Đối tượng khảo sát

Đề tài tiến hành khảo sát thực trạng tại 3 tỉnh trong khu vực Việt Bắc gồm Thái Nguyên, Bắc Cạn, Cao Bằng với 150 giáo viên và 300 học sinh THCS người Tày, Nùng tại các trường THCS Nguyễn Du - TP Thái Nguyên, Trường THCS Hà Thượng - Huyện Đại Từ; Trường THCS thị trấn Chợ Rã, PTDT bán trú THCS Chợ Rã, THCS Thượng Giáo, THCS Nước Hai - Huyện Hòa An

2.1.3. Phương pháp khảo sát

- i. Phương pháp điều tra bằng Anket
- ii. Phương pháp phỏng vấn
- iii. Phương pháp quan sát hoạt động

2.1.4. Phương pháp xử lý số liệu

Sử dụng kết hợp phần mềm Excel và SPSS 22.0 để phân tích các số liệu thu được từ thực trạng, luận giải các thông số kết quả thực trạng.

2.2. Kết quả khảo sát

2.2.1. Nhận thức của giáo viên và học sinh người dân tộc Tày, Nùng về tầm quan trọng của hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp

Kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ GV và HS hiểu đúng về kỹ năng giao tiếp theo cách tiếp cận của đề tài chiếm tỉ lệ thấp 20% ở GV và 19,3% ở HS. Hầu hết ý kiến đều xác định kỹ năng giao tiếp theo khái niệm gần đúng là khả năng phối hợp hài hòa, hợp lý những thao tác, cử chỉ, thái độ, ngôn ngữ trong giao tiếp để đạt được mục đích giao tiếp. Qua tìm hiểu thực tế, bản thân giáo viên và học sinh đều lí giải bởi kỹ năng là những cái cụ thể cần được xác định rõ vì vậy chủ yếu chọn khái niệm trên. Điều đó cho thấy GV và HS đã có sự phân tích và nhìn nhận về các kỹ năng giao tiếp, tuy chưa thực sự đầy đủ song đó cũng là căn cứ để khẳng định những tác động sẽ có hiệu quả tốt.

2.2.2. Thực trạng về kỹ năng giao tiếp của học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng

Kết quả khảo sát thực trạng kỹ năng giao tiếp của học sinh được thể hiện như sau:

HS tự xác định các kỹ năng giao tiếp của mình ở 2 mức độ từ Khá và Tốt, tỉ lệ các kỹ năng đạt mức Tốt chiếm đến 14/15 kỹ năng được liệt kê tại bảng trên. Kỹ năng được các em tự nhận làm tốt nhất là kỹ năng chào hỏi với điểm TB là 4.08; kỹ năng lắng nghe thứ 2; tiếp đó là các kỹ năng như làm việc nhóm; chia sẻ; nói lời yêu cầu, đề nghị. Kỹ năng

thuyết trình trước đám đông là kỹ năng HS nhận thấy mình yếu nhất với điểm TB là 3.24 đạt mức Khá theo thang quy ước. Một số những kỹ năng có điểm trung bình thấp hơn so với bảng các kỹ năng như: tiếp cận đối tượng giao tiếp; giao tiếp qua ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ; thương lượng; phản hồi.

2.2.3. Thực trạng tổ chức các HĐTNHN tại các trường THCS trên địa bàn nghiên cứu nhằm phát triển KNGT cho HS người Tày, Nùng

2.2.3.1. Thực trạng tổ chức các HĐTNHN cho HS THCS người Tày, Nùng

Kết quả khảo sát cho thấy 100% ý kiến của GV cho rằng các trường THCS trên địa bàn thành phố đều tổ chức các HĐTNHN cho HS nhưng với nội dung và hình thức, cách thức tổ chức khác nhau qua đây chúng tôi thấy được các nhà trường đã rất chú trọng và quan tâm đến việc tổ chức các hoạt động cho HS tham gia. Trải nghiệm sáng tạo ở trường học sẽ giúp thúc đẩy những hành vi mang tính xã hội tích cực cho người học; đồng thời tạo những tác động tốt đối với các quan hệ giữa GV và HS, giữa HS với nhau, tạo nên sự hứng thú học tập. Trải nghiệm sáng tạo phát triển cho HS THCS các kỹ năng sống nói chung riêng và phát triển các KNGT nói riêng. Chính các kết quả này sẽ là cơ sở, là nền tảng để giúp HS phát triển nhân cách.

2.2.3.2. Thực trạng đánh giá của giáo viên về tần suất và hứng thú của HS THCS khi tham gia các HĐTNHN

Kết quả khảo sát cho thấy 33,3% ý kiến GV cho rằng HS thường xuyên tham gia các hoạt động; 26,7% cho rằng HS rất hứng thú với hoạt động; 55,6% HS thỉnh thoảng tham gia các hoạt động và 60% HS hứng thú với từng hoạt động. Còn 11,1% HS chưa tham gia vào các hoạt động và 13,3% không hứng thú với các hoạt động. Bảng khảo sát cho thấy HS thỉnh thoảng hay chưa tham gia các hoạt động chiếm 66,7%; 73,3% học sinh không hứng thú hoặc hứng thú với từng hoạt động; Qua tìm hiểu tác giả được biết các trường hiện nay tổ chức hoạt động mang tính chất rập khuôn, chưa phong phú chủ yếu là đưa HS ra ngoài phạm vi của nhà trường như: đi tham quan, du lịch... Đi về trong ngày thời gian tập kết HS đã chiếm nửa ngày, thời gian còn lại các em đi thăm thú hoặc tham gia một số trò chơi rồi về.

2.2.3.3. Thực trạng nội dung phát triển KNGT thông qua HĐTNHN cho HSTHCS

Qua kết quả khảo sát, chúng tôi nhận thấy HĐTNHN giúp phát triển các KNGT được GV quan tâm như: Kỹ năng lắng nghe (82,2%) ĐTB: 21,2 điểm; Kỹ năng chào hỏi (91,1%) ĐTB: 21,8 điểm; Kỹ năng làm việc theo nhóm (93,3%) ĐTB: 22 điểm; Kỹ năng thuyết trình trước đám đông (93,3%) ĐTB: 22,2 điểm; Và có 22,2% ý kiến của GV cho biết HĐTNHN còn giúp phát triển các kỹ năng khác như: Kỹ năng chào hỏi; kỹ năng nói lời cảm ơn, xin lỗi... Những kỹ năng này được GV thường xuyên giáo dục vì đây là những kỹ năng cơ bản, liên quan trực tiếp đến một số môn học trong chương trình, đồng thời cũng là những kỹ năng học sinh sử dụng thường xuyên trong cuộc sống hàng ngày.

Thông qua nội dung bài học, HS học được các kỹ năng như kỹ năng phản hồi, kỹ năng chia sẻ, kỹ năng thuyết phục, kỹ năng xử lý tình huống... Trong đó có một số KNGT mà GV cho rằng chưa được quan tâm nhiều như: Kỹ năng biểu lộ thái độ tình cảm (33,3%); Kỹ năng từ chối yêu cầu đề nghị của người khác (28,9%); Kỹ năng thương lượng (44,4%). Qua tìm hiểu vấn đề này chúng tôi được biết HS THCS trên địa bàn thành phố Bắc Kạn là nơi chủ yếu là dân tộc ít người vùng núi phía Bắc đa số các em là người dân tộc thiểu số phần lớn các em thiếu tự tin, nhút nhát, rụt rè trước những vấn đề mới hay phải đợi GV gợi ý, chỉ định các em mới dám trả lời. Nguyên nhân có thể do bản tính nhút nhát, e dè, thụ động trong các hoạt động lại thiếu môi trường để các em rèn luyện nên dẫn tới tình trạng đó. Do đó GV khi tổ chức các HĐTNHN cần phải chú trọng hơn vào các kỹ năng còn thiếu và yếu của HS, trong hoạt động tăng cường hoạt động cá nhân, nhóm mở rộng nội

dung GD, đối tượng, phạm vi giao tiếp cho HS, Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ dạy và học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động của HS, tăng cường kỹ năng thực hành từ đó giúp các em có nhiều cơ hội trải nghiệm hơn.

Tuy nhiên, tình hình triển khai các HĐTNHN hiện nay hầu hết các trường vẫn thực hiện theo các hoạt động của năm trước, chưa có sự sáng tạo nên một số KNGT còn chưa được chú trọng nhiều để trang bị cho HS. Theo đó các HĐTNHN đã có nhưng chưa lồng ghép được nhiều các kỹ năng sống cho HS trong đó có KNGT, hơn nữa các hoạt động đó được coi là hoạt động tập thể, chưa có chuẩn để đánh giá xếp loại HS. Chính vì vậy chưa khuyến khích được HS tham gia.

2.2.3.4. Thực trạng sử dụng phương pháp phát triển KNGT thông qua HĐTNHN cho HS THCS

Kết quả khảo sát đã cho chúng tôi thấy: Phương pháp được nhiều GV lựa chọn để GD KNGT thông qua HĐTNHN cho HS THCS là phương pháp làm việc nhóm (95,6%) ĐTB: 22,2 điểm; phương pháp sắm vai (88,9%) ĐTB: 21,7 điểm; phương pháp trò chơi (84,4%) ĐTB: 21,3 điểm. Tìm hiểu về vấn đề này thì chúng tôi được biết: Hiện nay các trường THCS sử dụng thường xuyên những phương pháp này bởi vì đây là những phương pháp được lồng ghép vào các hoạt động như sinh hoạt tập thể, sinh hoạt lớp, các môn học; 44,4% GV cho rằng HĐTNHN còn sử dụng phương pháp như: phương pháp tranh giao tiếp và nêu gương, phương pháp dạy học trực quan, nghiên cứu tình huống, phương pháp công não.

Có 42,2% ý kiến giáo viên sử dụng phương pháp Dạy học nêu vấn đề; và 28,9% ý kiến sử dụng phương pháp dạy học dự án: Tìm hiểu vấn đề này một số GV cho biết: Thực tế cho thấy kỹ năng không hình thành qua lời nói mà phải hình thành qua hoạt động, hành động của HS. Vì vậy muốn hình thành KNGT cho HS THCS phải bằng chính hoạt động trải nghiệm của HS nhưng kết quả lại cho thấy tỉ lệ GV sử dụng phương pháp dự án còn ít và chưa thường xuyên, đây là hạn chế về phương pháp trong quá trình phát triển KNGT cho HS THCS.

Theo ý kiến đánh giá của HS, phương pháp làm việc nhóm được nhà trường thường xuyên sử dụng nhất để phát triển KNGT cho HS, đạt 52,7%; phương pháp sắm vai xếp thứ hai, đạt 48% phương pháp trò chơi xếp thứ ba, đạt 44%; phương pháp giải quyết vấn đề xếp thứ tư, đạt 26,7% và cuối cùng phương pháp dự án (13,3%).

2.2.3.5. Thực trạng các hình thức tổ chức để phát triển KNGT thông qua HĐTNHN cho HS THCS đã được tiến hành

Kết quả khảo sát cho thấy, hình thức trải nghiệm được GV ở các trường THCS thực hiện chủ yếu là : Trò chơi: 91,1% (ĐTB: 21,8 điểm) ; Hội thi/cuộc thi: 86,7% (ĐTB: 21,5 điểm); Hoạt động nhân đạo: 82,2% (ĐTB: 21,2 điểm); Sinh hoạt tập thể: 80% (ĐTB: 21,0 điểm). Tìm hiểu về vấn đề này chúng tôi được biết: Đây là những hoạt động dễ tổ chức và không tốn kém nhiều về mặt kinh phí, hơn nữa lại phù hợp với các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ, các chương trình kỷ niệm. Tuy nhiên cũng có ý kiến cho rằng các hoạt động này vẫn chưa lồng ghép được nhiều nội dung phát triển KNGT cho HS. Phần lớn việc phát triển KNGT tại các nhà trường tập trung vào hoạt động giảng dạy trên lớp, thông qua các nội dung truyền đạt theo phương thức GV giảng - học trò ghi chép và phản hồi theo câu hỏi của GV. Chưa thực sự có đổi mới trong hình thức, cách thức tổ chức GD và phát triển KNGT.

Còn các hình thức như: Câu lạc bộ 37,8%; Diễn đàn 28,9%; Sân khấu tương tác 28,9%; Tham quan, dã ngoại: 22,2%; Tổ chức sự kiện 20,0%; Giao lưu 24,4%; Hoạt động chiến dịch 15,6%; Hoạt động tình nguyện 48,9 %: Đây là những hình thức đã được tổ chức nhưng chưa thường xuyên. Còn 11,1% ý kiến cho rằng Hoạt động Nghiên cứu khoa học đây là một hoạt động ít được tổ chức nhất. Tìm hiểu vấn đề này một GV cho biết để tổ chức những hoạt động này thì cần rất nhiều điều kiện: về nguồn lực con người, về tài chính, về cơ sở

vật chất; phương tiện giảng dạy; quy mô hợp lý... hơn nữa HS rất bị động và nhút nhát trong các hoạt động; kinh nghiệm tổ chức các hoạt động của các GV còn hạn chế, người GV phải có tính sáng tạo cao hiểu biết rộng, sâu nhiều vấn đề... hiện nay ở các trường THCS trên địa bàn thành phố vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, phòng thí nghiệm chưa đạt chuẩn, thiếu các trang thiết bị chuyên dụng để phục vụ công tác nghiên cứu, hơn nữa kinh nghiệm kiến thức của GV để hỗ trợ hướng dẫn HS lại không đồng đều, thiếu sự kết nối giữa các cá nhân và các trường thiếu tính nhất quán...

Theo ý kiến đánh giá của HS, trong quá trình tổ chức các hoạt động phát triển KNGT cho HS thì hình thức trò chơi được nhiều lựa chọn nhất về mức độ thường xuyên sử dụng, đạt 56%; các hình thức Hội thi/cuộc thi xếp thứ hai, đạt 53,3%; tiếp đến là hình thức hoạt động nhân đạo xếp thứ ba (đạt 51,3%), hình thức sinh hoạt tập thể (50%); lao động công ích (48,7%); hoạt động tình nguyện (46%); Câu lạc bộ (42%); Diễn đàn. Sân khấu tương tác (38,7%); Giao lưu (26%); Tham quan dã ngoại (23,3%); Tổ chức sự kiện (22%); Hoạt động chiến dịch (18,7%) và cuối cùng là hoạt động nghiên cứu khoa học (12,7%).

Sự đánh giá của HS và GV về mức độ thường xuyên của các hình thức tổ chức hoạt động phát triển KNGT là tương đối đồng thuận. Từ số liệu điều tra cho thấy cả GV và HS cho rằng các hình thức tổ chức hoạt động chưa đa dạng, tập trung chủ yếu vào hình thức như trò chơi, Hội thi/cuộc thi... Đây là hình thức cơ bản nhưng cũng không phải là tất cả. Mỗi hình thức đều có những thuận lợi nhất định trong quá trình hình thành và rèn luyện các kỹ năng cụ thể cho HS. Và sự không đa dạng các hình thức hoạt động đã làm giảm hiệu quả của việc rèn luyện và phát triển KNGT cho HS..

2.2.4. Thực trạng kỹ năng giao tiếp của học sinh THCS

Qua kết quả khảo sát cho thấy: Xếp thứ nhất là trường THCS Bắc Kạn có 40% HS giao tiếp tốt; 30% Giao tiếp khá và 30% giao tiếp Trung bình và dưới trung bình; Thứ 2 là trường THCS Đức Xuân có 36% HS giao tiếp tốt; 24% Giao tiếp khá và 40% giao tiếp Trung bình và dưới trung bình. Cuối cùng là trường THCS Huyện Tụng có 30% HS giao tiếp tốt; 20% HS giao tiếp khá và 50 % HS giao tiếp trung bình và dưới trung bình. Qua đây tác giả nhận thấy KNGT của học sinh ba trường THCS trên địa bàn thành phố ở mức trung bình thấp, nhiều học sinh chưa có KNGT hiệu quả, nhu cầu giao tiếp chưa cao. Các em còn mắc nhiều lỗi khi sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp, chưa tự tin và mạnh dạn trong thiết lập các mối quan hệ chưa biết cách diễn đạt ngắn gọn, dễ hiểu. Giữa lời nói và hành vi trong giao tiếp chưa phù hợp, chưa biết khai thác tính hợp lý tình hiệu quả của ngôn ngữ cơ thể.

2.2.5. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp và kỹ năng giao tiếp thông qua HĐTNHN cho HS THCS

2.2.5.1. Đánh giá của GV và HS về các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp và KNGT thông qua HĐTNHN

Nhìn vào kết quả khảo sát tác giả nhận định mức độ ảnh hưởng như sau: Có hai yếu tố mà theo GV có ảnh hưởng trực tiếp đến giao tiếp và KNGT cho HS THCS thông qua HĐTNHN đó là: Năng lực của giáo viên 86,7% (ĐTB: 21,5 điểm) và Năng lực cá nhân học sinh 84,4% (ĐTB: 21,3 điểm). Như vậy để phát triển giao tiếp và KNGT cho HS đem lại hiệu quả cao đòi hỏi giáo viên phải có trình độ năng lực, chuyên môn, sáng tạo, có phương pháp giáo dục khoa học, hợp lý, linh động và sự tích cực chủ động hứng thú đối với các hoạt động của HS.

Từ số liệu điều tra về các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp KNGT của HS THCS thông qua HĐTNHN cho thấy không có sự đồng thuận khi đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát KNGT cho HS. Do GV và HS đứng ở những vị trí khác nhau trong quá trình tổ chức và rèn luyện KNGT nên đã đưa ra những nhận định khác nhau. Theo ý kiến đánh giá từ HS tính tích cực, chủ động của sinh viên là yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất (đạt

58,7% sự lựa chọn); năng lực của GV xếp thứ hai (đạt 52,7%); tiếp đến lần lượt là các yếu tố các tổ chức đoàn thể và lực lượng xã hội (46%), và cuối cùng là nhận thức của cán bộ quản lý và giáo viên (43,3%).

2.2.5.2. Đánh giá của giáo viên và học sinh về các tiêu chí cần thay đổi để phát triển KNGT cho HS THCS

Qua kết quả bảng khảo sát trên thì 100% ý kiến của GV đồng ý là phải thay đổi cả về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức HĐTNHN để phát triển KNGT cho HS. Về vấn đề này qua phỏng vấn một số GV tại các trường THCS được biết thì hiện nay tại các trường THCS trên địa bàn thành phố Bắc Kạn thì nội dung thì chỉ tập trung vào một số nội dung chính, hình thức và phương pháp chưa thực sự có sức hấp dẫn để lôi cuốn học sinh

Theo ý kiến đánh giá từ HS cũng đồng thuận với đánh giá của GV là cần phải thay đổi cả về mặt nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức, tuy nhiên nội dung các HĐTNHN được xếp thứ nhất về vấn đề cần thay đổi (đạt 86,7%). Hình thức tổ chức xếp thứ hai (đạt 75,3%) hình thức tổ chức đa dạng, phong phú sẽ tạo nhiều cơ hội cũng như góp phần kích thích tính tích cực, chủ động của HS khi tham gia các hoạt động. Và cuối cùng là sự thay đổi về mặt phương pháp (đạt 63,3% sự lựa chọn thay đổi). Phương pháp là cách thức tác động qua lại giữa nhà giáo dục và đối tượng. Yêu cầu đổi mới phương pháp cũng chính là yêu cầu nhà giáo dục luôn phải làm mới chính mình để góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động giáo dục. Căn cứ vào ý kiến của GV và HS về các yếu tố cần thay đổi trong quá trình tổ chức các hoạt động để phát triển KNGT cho HS sẽ là cơ sở quan trọng để tác giả xây dựng hệ thống những biện pháp nâng cao hiệu quả của quá trình phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS THCS.

2.3. Nguyên nhân thực trạng

Nhìn chung GV các trường THCS đã có nhận thức về tầm quan trọng của việc phát triển KNGT cho HS. Tuy nhiên một số KNGT vẫn chưa được nhận thức đầy đủ. Nguyên nhân của thực trạng trên do:

Điều kiện kinh tế, xã hội miền núi còn gặp nhiều khó khăn, trình độ dân trí thấp, môi trường giao tiếp hẹp, cuộc sống và đặc tính của người miền núi có ảnh hưởng nhiều đến phát triển KNGT

Sự chỉ đạo về hoạt động phát triển KNGT thông qua HĐTNHN cho HS của các cấp quản lý còn chưa thực sự rõ ràng, nên việc triển khai thực hiện các hoạt động của các trường còn tự phát, không thường xuyên và đồng bộ; Một bộ phận GV còn mang tính chất đối phó dù cơ bản GV đã nhận thức được bản chất và mức độ cần thiết phải phát triển các KNGT cho HS song thầy, cô còn lúng túng về mặt phương pháp, cách thức thực hiện các HĐTNHN. Đa số HS chưa có những KNGT cơ bản, rất ít HS hứng thú và thường xuyên tham gia vào các hoạt động.

Một số yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển KNGT cho HS trên địa bàn thành phố Bắc Kạn thông qua HĐTNHN như:

Mức độ nhận thức của GV về tầm quan trọng của HĐTNHN trong phát triển KNGT cho HS.

Thiếu nguồn tài liệu tham khảo, hướng dẫn chi tiết đối với các GV trong việc thiết kế, xây dựng chương trình giáo dục theo từng nhóm kỹ năng.

GV giảng dạy cũng phần nào hạn chế về KNGT; chưa thực sự nắm rõ các kỹ năng cần giảng dạy, truyền đạt cho HS. Chính vì thế mà việc tổ chức các hoạt động còn thiếu tính sáng tạo HS thì nhút nhát, rụt rè thiếu tự tin trong giao tiếp.

Chưa huy động được sự phối hợp giữa các lực lượng ngoài nhà trường, phụ huynh HS đối với các HĐTNHN của lớp cũng như của trường.

Những tồn tại trong kết quả thực hiện cũng dễ giải thích vì nó bị tác động bởi hoàn cảnh, môi trường và ngay cả bản thân các đối tượng giao tiếp. Để khắc phục được những tồn tại này đòi hỏi người làm công tác giáo dục cần phải có những biện pháp hiệu quả để phát triển KNGT cho HS THCS

Tiểu kết chương 2

Từ thực trạng kỹ năng giao tiếp và vấn đề phát triển kỹ năng giao tiếp thông qua trải nghiệm ở trên cho thấy cần có được các hoạt động trải nghiệm được thiết kế đồng bộ và khoa học, tác động thường xuyên, liên tục có thể tạo ra được sự thay đổi về các kỹ năng giao tiếp hiện có của nhóm học sinh THCS người Tày, Nùng trên địa bàn nghiên cứu.

Để thực hiện được yêu cầu phát triển các kỹ năng giao tiếp cho học sinh TCS người Tày, Nùng thông qua hoạt động trải nghiệm đòi hỏi có sự quan tâm và phối hợp đồng bộ của các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường, đặc biệt là sự phối hợp của phụ huynh học sinh để tạo nên sự thống nhất các giá trị trải nghiệm cho học sinh trong các môi trường gần gũi nhất là gia đình và nhà trường. Mặt khác sự quan tâm và tạo điều kiện về vật chất và tinh thần là yếu tố cơ bản có ảnh hưởng nhất định đến sự thành công của các hoạt động trải nghiệm trong nhà trường.

Chương 3

CÁC NHÓM HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP NHẪM PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP CHO HỌC SINH THCS NGƯỜI DÂN TỘC TÀY, NÙNG KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM

3.1. Nguyên tắc thiết kế các nhóm hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh người dân tộc Tày, Nùng ở các trường THCS khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam

3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích

3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính đối tượng

3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi, hiệu quả

3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo giáo dục sát với đời sống, điều kiện thực tiễn của học sinh

3.2. Quy trình thiết kế, nội dung và hình thức của các nhóm hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam

3.2.1. Quy trình thiết kế hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng

Quy trình được xây dựng gồm 06 bước sau:

Bước 1: Dự báo nhu cầu của học sinh về tổ chức hoạt động trải nghiệm

Bước 2: Lựa chọn tên của hoạt động

Bước 3: Xác định mục tiêu của hoạt động

Bước 4: Trích dẫn thông tin nguồn

Bước 5: Xây dựng kế hoạch dự kiến hoạt động trải nghiệm được tổ chức

Bước 6: Kiểm tra, điều chỉnh, hoàn thiện chương trình hoạt động

3.2.2. Nội dung và hình thức hoạt động trải nghiệm có ưu thế phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người dân tộc Tày, Nùng

3.2.2.1. Nhóm 1: Hoạt động phát triển cá nhân

3.2.2.2. Nhóm 2: Hoạt động lao động

3.2.2.3. Nhóm 3: Hoạt động xã hội và phục vụ cộng đồng

3.2.2.4. Nhóm 4: Hoạt động giáo dục, hướng nghiệp

3.2.3. Khảo nghiệm sự phù hợp và tính khả thi của các nhóm hoạt động được thiết kế

3.2.3.1. Mục đích, đối tượng, cách thức khảo nghiệm

3.2.3.2. Kết quả khảo nghiệm

i. Đánh giá sự phù hợp của các nhóm hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh THCS người Tày, Nùng

ii. Đánh giá về tính khả thi của các biện pháp sử dụng TTĐP trong giáo dục KNGT cho học sinh THCS Tày - Nùng khu vực Việt Bắc

iii. Đánh giá chung về khảo nghiệm

Qua các kết quả tổng hợp tại hai bảng số liệu trên cho thấy, CBQL và GV được trưng cầu ý kiến có những đánh giá khác nhau giữa sự cần thiết và khả thi của các biện pháp. Đối với nội dung của mỗi biện pháp thì điểm số được cho giữa các GV là khá phân tán. Tuy nhiên, kết quả khảo sát không cho thấy những kết luận trái chiều, tất cả các biện pháp được đưa ra đều được đánh giá ở mức độ cần thiết và khả thi. Điểm TB có sự chênh lệch song vẫn thuộc phạm vi các mức độ được quy ước.

Kết quả khảo nghiệm trên sẽ là một trong những căn cứ khoa học chắc chắn để tác giả luận án định hướng, lựa chọn các biện pháp tổ chức thực nghiệm trong thực tiễn giáo dục nội dung KNGT học sinh cho học sinh THCS Tày, Nùng bằng chính những giá trị văn hóa của cộng đồng mà các em đang sống.

3.2.4. Thực nghiệm sư phạm

3.2.4.1. Khái quát về thực nghiệm sư phạm

3.2.4.2. Thử nghiệm hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho học sinh người Tày, Nùng khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam

A. Kết quả thực nghiệm trên học sinh

i. Kết quả định lượng

* Phân tích kết quả trước thực nghiệm

Kết quả khảo sát nhận thức của học sinh trước thực nghiệm ở Thái Nguyên cho thấy, không có học sinh nào đạt điểm giỏi, có 22,5% học sinh đạt điểm khá, điểm trung bình là 33,5%, còn lại là số lượng học sinh đạt điểm yếu và kém. Tại tỉnh Bắc Kạn không có học sinh nào đạt điểm Giỏi, tỉ lệ học sinh đạt điểm Khá là 19%, tỉ lệ học sinh đạt điểm kém là 16,7% và có 29,6% học sinh điểm yếu. Với tỉ lệ điểm như trên, \bar{X} được tính ở học sinh tỉnh Thái Nguyên là 5,0 và Bắc Kạn là 4,88. Tương quan so với điểm tuyệt đối là 10 điểm thì nhận thức của học sinh ở cả hai tỉnh trước thực nghiệm ở mức độ trung bình.

Kết quả khảo sát trước thực nghiệm cho thấy học sinh ở cả hai nhóm thực nghiệm tại hai địa phương có hiểu biết và sự thể hiện các kỹ năng giao tiếp đạt ở mức trung bình khá.

* Phân tích kết quả sau thực nghiệm

+ Nội dung cụ thể trong thực nghiệm: chúng tôi yêu cầu giáo viên thiết kế các hoạt động trải nghiệm các hoạt động được xây dựng theo chủ đề của chương trình GDNGLL đã được quy định.

+ Kết quả thu được: Kết quả được đo trên 3 mặt: nhận thức của học sinh về quyền và bổn phận học sinh; đánh giá thái độ và hành vi của học sinh về các vấn đề liên quan đến KNGT của học sinh.

- Về nhận thức

- Tại Thái Nguyên: Sau TN lần 1, số học sinh có điểm Giỏi tăng từ 0 lên 8,7%. Điểm Khá ở lớp TN 22,5% lên 33,8%. Tỷ lệ điểm TB giảm từ 33,5% xuống 29,6%. Điểm Yếu giảm mạnh từ 28,4% xuống còn 21,8%. Giảm mạnh nhất là tỷ lệ điểm kém từ 15,6% xuống còn 6,1%.

- Tại Bắc Kạn: Sau TN lần 1, tỷ lệ điểm Giỏi tăng lên 7,4%; điểm Khá từ 19% lên 28,6%; điểm TB giảm từ 34,7% xuống còn 28,7%; điểm Yếu giảm từ 29,6% xuống còn 24,6%; điểm Kém có sự giảm sâu từ 16,7% xuống 10,7%..

- Về thái độ

- Tại Thái Nguyên, \bar{X} thái độ của học sinh ở lớp TN trước thực nghiệm tăng từ 1,3 lên 1,46 sau thực nghiệm lần 1, điểm số chênh lệch điểm là 0,16. Kiểm nghiệm sự khác biệt kết quả trước TN và sau TN cho thấy trị số $p = 0,00 < 0,05$, có nghĩa những thay đổi về thái độ của học sinh sau TN là có ý nghĩa.

- Tại Bắc Kạn, \bar{X} thái độ tăng từ 1,24 trước TN lên 1,41 sau TN lần 1 ở lớp TN, sự chênh lệch điểm TB là 0,17. Với giá trị $p = 0,00 < 0,05$ cho thấy sự thay đổi về thái độ của học sinh lớp TN ở tỉnh Bắc Kạn là có ý nghĩa.

- Về hành vi

Tại tỉnh Thái Nguyên, giá trị $p = 0,01 < 0,05$ cho thấy sự chuyển biến trước TN và sau TN lần 1 là có ý nghĩa. Tương tự tại tỉnh Bắc Kạn, giá trị $p = 0,003 < 0,05$ điều đó cũng cho thấy kết quả khác biệt sau TN lần 1 so với trước TN là có ý nghĩa về mặt thống kê.

ii. *Kết quả định tính*

Có 65% học sinh ghi nhớ tương đối đầy đủ hệ thống các quyền được quy định và phân biệt được bổn phận của học sinh khi ở gia đình, của học sinh trong nhà trường và là công dân của cộng đồng.

Để tìm hiểu mức độ vận dụng của học sinh, chúng tôi sử dụng bài tập tình huống để kiểm tra học sinh sau thực nghiệm. Kết quả có 28 (70%) học sinh lớp TN ở cả hai tỉnh đạt được từ 8 điểm trở lên, trong đó có 7 (17,5%) học sinh đạt điểm 10 tuyệt đối cho cả 5 bài tập tình huống. Một số học sinh lớp TN thể hiện khả năng làm bài tập nhanh và có độ chính xác cao rõ rệt như Chu Văn Thanh, Trần Thị Ngọc Mai (Bắc Kạn) và Lý Thị Hà Giang, Hoàng Phương Anh hay Nông Thị Như Quỳnh (Thái Nguyên).

Khi so sánh nhận thức của học sinh về quyền và bổn phận học sinh ở lớp TN trước TN và sau TN chúng tôi thấy, trước khi được tham gia các bài học và hoạt động giáo dục do chúng tôi tổ chức, hầu hết các em chỉ biết tên một số quyền trong nhóm quyền được sống còn, quyền được phát triển và các bổn phận ở trường như chăm chỉ học tập, vâng lời thầy cô, bổn phận ở nhà là vâng lời ông bà, cha mẹ, làm việc nhà theo sự phân công... Sau khi học tập các quyền học sinh, học sinh đã có sự nhận diện rõ ràng về bốn nhóm quyền, kể tên được một số quyền cơ bản trong mỗi nhóm. Ở mỗi nội dung quyền học sinh, học sinh lớp TN đã chỉ cũng chỉ ra được các bổn phận cần thực hiện. Tuy chưa đầy đủ nhưng cho thấy sự khác biệt với trước TN.

iii. *Kết quả phân tích chỉ tiêu hỗ trợ*

+ Nhận định của nhóm nghiên cứu dựa trên kết quả dự giờ và quan sát

Có 25% học sinh lớp TN ở Thái Nguyên và 32 % ở Bắc Kạn tỏ ra đặc biệt hứng thú với các hoạt động trong thực nghiệm. Các em rất hào hứng, sôi nổi, hăng hái, tích cực

trong phát biểu xây dựng bài, có những em xung phong trả lời đến lần thứ 4, thứ 5 với một câu hỏi khi đáp án chưa chính xác.

Học sinh lớp TN ở Thái Nguyên có 45 %, ở Bắc Kạn có 35% tỏ ra hứng thú với hoạt động học tập trong thực nghiệm. Các em chú ý lắng nghe yêu cầu của giáo viên và nghiêm túc thực hiện. Các em là những thành viên tích cực góp ý trong các hoạt động nhóm, hăng hái phát biểu ý kiến của mình. Tuy nhiên hứng thú này không duy trì được lâu trong tất cả mọi hoạt động. Nhóm học sinh có thể hứng thú với hoạt động này song lại thờ ơ với một số hoạt động khác mặc dù được tổ chức cùng trong một giờ trên lớp hoặc một buổi hoạt động NGLL.

Có 30% học sinh lớp TN ở Thái Nguyên và 23% ở Bắc Kạn tỏ thái độ bình thường trước các hoạt động giáo dục do chúng tôi tổ chức. Đôi khi các em cũng bị cuốn vào một số hoạt động cùng với lớp, có tham gia góp ý nhưng không chủ động xung phong phát biểu xây dựng bài. Khi cô giáo chỉ định, các em vẫn có thể trả lời dù diễn đạt chưa hoàn toàn sát với đáp án.

Khoảng 10% học sinh lớp TN ở cả hai tỉnh không hứng thú với hoạt động học tập. Đây là nhóm học sinh hoàn toàn thờ ơ trước yêu cầu của giáo viên, đôi khi các em làm việc riêng trong lớp. Bản thân không chủ động tham gia đóng góp ý kiến khi làm việc nhóm, không quan tâm đến kết quả của nhóm cũng như các nhóm khác.

+ Kết quả phỏng vấn học sinh

Kết quả thực nghiệm cho thấy, không chỉ nhận thức của học sinh được nâng lên mà hứng thú học tập của học sinh cũng khác hẳn so với cách dạy thông thường. Do các nội dung học tập gần gũi, các em ít nhiều đã được biết đến trong cuộc sống thường ngày nên khá tự tin và có mong muốn thể hiện bản thân nhiều hơn. Đây cũng chính là một trong những phương thức giáo dục khắc phục nhược điểm đặc trưng của học sinh THCS người Tày - Nùng là sự rụt rè, nhút nhát và thiếu tự tin trong giao tiếp cũng như trong học tập và tham gia hoạt động.

Tiểu kết chương 3

Phát triển kỹ năng giao tiếp cho HSTHCS qua HĐTNHN là một nhiệm vụ quan trọng, song cũng là một nhiệm vụ đòi hỏi tính kiên trì, sự tâm huyết của giáo viên và các bậc phụ huynh. Để việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho HS đạt hiệu quả cao đòi hỏi phải thực hiện được đồng bộ và linh hoạt các hoạt động giáo dục trải nghiệm theo quy trình đã thiết kế.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Về mặt lý luận

Hoạt động phát triển KNGT là một bộ phận quan trọng của quá trình GD toàn diện trong nhà trường, là một con đường quan trọng đến quá trình hình thành và phát triển toàn diện nhân cách HS. Phát triển KNGT thông qua HĐTNHN cho HS là phương thức hình thành, rèn luyện hoặc thay đổi các hành vi của các em theo hướng tích cực, phù hợp với mục tiêu phát triển toàn diện nhân cách HS. Đồng thời, đây cũng là hướng đi tích cực cần được triển khai rộng rãi ở các địa phương trên cả nước.

Việc tổ chức hoạt động phát triển KNGT thông qua HĐTNHN cho HS ở trường THCS sẽ giúp cho GV và các lực lượng GD trong và ngoài nhà trường nhằm tổ chức thực hiện kế hoạch, nội dung hoạt động phát triển KNGT theo hướng để HS tham gia vào các hoạt động trải nghiệm thực tế, có được những năng lực, kỹ năng cần thiết cho tương lai.

Trong quá trình tổ chức hoạt động GV đã có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của việc phát triển KNGT cho HS qua HĐTNHN. Nhìn chung HS đều rất hứng thú đối với các hoạt động GD KNGT dưới hình thức trải nghiệm, tích cực chủ động tham gia vào việc tham gia ý kiến, chủ động phối hợp triển khai các nội dung hoạt động, các hình thức tổ chức hoạt động phát triển KNGT thông qua trải nghiệm được sử dụng đa dạng, phong phú.

1.2. Về mặt thực tiễn

- Xác định rõ nội dung chương trình phát triển KNGT ở trường THCS, phát huy vai trò sáng tạo của GV và HS trong việc xây dựng các hoạt động trải nghiệm nhằm phát triển KNGT cho HS. Tổ chức học hỏi kinh nghiệm và tạo điều kiện cho GV tham gia tập huấn, học hỏi kinh nghiệm các nội dung do Phòng, Bộ GD&ĐT tổ chức.

- Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò của phát triển KNGT cho HS, đặc biệt tùy từng địa phương, từng đơn vị có cơ chế khuyến khích HS và GV tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong quá trình dạy và học. Cố gắng lồng ghép các KNGT thông qua xây dựng tình huống ở các bộ môn.

- Tăng cường thông tin về lợi ích của HĐTNHN trong việc bồi dưỡng, phát triển KNGT cho HS bậc THCS, đặc biệt là đối với cha mẹ HS thông qua các cuộc họp phụ huynh thường kỳ, ban phụ huynh HS hoặc trực tiếp mời cha mẹ HS tham gia các hoạt động trải nghiệm đó cùng HS. Đồng thời hoạt động kiểm tra, đánh giá nên có sự phối hợp cùng cha mẹ HS để theo dõi kết quả GD của HS tại gia đình.

- Nâng cao trình độ và kỹ năng tổ chức phát triển KNGT cho đội ngũ GV thông qua hoạt động đào tạo, tập huấn, trao đổi chuyên môn.

- Đa dạng hóa các hình thức tổ chức phát triển KNGT ở trường THCS.

- Chuẩn bị tốt về cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ việc tổ chức hoạt động phát triển KNGT ở trường THCS.

- Kết hợp với các lực lượng GD trong việc phát triển KNGT cho HS THCS.

- Tăng cường và đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm việc tổ chức thực hiện phát triển KNGT.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với các trường Sư phạm

2.2. Đối với các trường THCS

2.3. Đối với giáo viên

2.4. Đối với phụ huynh học sinh